

Số: 1975/QĐ-UBND

An Giang, ngày 20 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ
Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý
Sở Xây dựng tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29 tháng 08 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC được chuẩn hóa; TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2639/TTr-SXD ngày 19 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ 17 thủ tục hành chính tại thứ tự số 2, 3, 6, 7, 8, 9, 11, 17, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 30 thuộc mục IV. Lĩnh vực Xây dựng, Phần A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành được ban hành kèm theo Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh về việc về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

- Bãi bỏ phần III tại Mục XII. Sở Xây dựng, Phụ lục 1. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang tại Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. Bổ sung các thủ tục hành chính thuộc Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng vào Mục XII. Sở Xây dựng, Phụ lục 1. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang tại Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 02/10/2019.

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc Mục XLV. Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thay thế các thủ tục hành chính thuộc Mục XXXV. Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng của PHỤ LỤC 1 tại Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 về việc ban hành danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Bộ Xây dựng;
- TT. HĐND, TT. UBNDTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Cổng Dịch vụ công trực tuyến;
- Trung tâm công báo - Tin học;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT An Giang;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Ký bởi: Ủy ban Nhân
dân tỉnh
Email:
ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Ngày ký: 20-08-2020
14:38:44 +07:00

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN MỚI, BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT, QUẢN LÝ SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 20 tháng 08 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

I. CẤP TỈNH

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng					
1	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	2.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. - Thông tư số 26/2016/TT-BXD. - Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.
2	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	2.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. - Thông tư số 26/2016/TT-BXD. - Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Không	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
6	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
7	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
8	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Xuyên, tỉnh An Giang		- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
9	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	25 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
10	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	500.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
11	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa,	500.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang		05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.
12	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	1.000.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	100.000 đồng/giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ. - Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang. - Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2019 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
14	<p>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.</p>	<p>Không quá 5 ngày làm việc</p>	<p>Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang</p>	<p>15.000 đồng/giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ. - Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang. - Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2019 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
15	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long	50.000 đồng/giấy phép (Quyết định)	- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.		Xuyên, tỉnh An Giang	44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	<p>14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính - Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang. - Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2019 của Bộ Xây dựng.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
16	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	100.000 đồng/giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ. - Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang. - Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2019 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
17	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	100.000 đồng/giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ. - Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang. - Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2019 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
18	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	150.000 đồng/giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ. - Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	ngoài.				Xây dựng. - Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang. - Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2019 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
19	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy	- Đối với công trình cấp II, III:	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần Quang Diệu,	Thông tư số 209/2016/TT-BTC	- Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)	Không quá 30 ngày làm việc. - Đối với công trình còn lại: Không quá 20 ngày làm việc.	phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang		14/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh An Giang - Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh An Giang - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng
20	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế -	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần	Thông tư số 209/2016/TT-	- Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP		Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	BTC	<p>14/02/2015 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh An Giang - Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh An Giang - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
21	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết	- Đối với DA, DA điều chỉnh:	Sở Xây dựng, số 99 đường Trần	Thông tư số 209/2016/TT-	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> + Không quá 30 ngày đối với nhóm B. + Không quá 20 ngày đối với nhóm C. - Đối với TKCS, TKCS điều chỉnh: + Không quá 20 ngày đối với nhóm B. + Không quá 15 ngày đối với nhóm C. 	Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	BTC	<ul style="list-style-type: none"> 14/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh An Giang - Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh An Giang - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng

II. CẤP HUYỆN

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng					
1	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp Huyện	75.000 đồng/giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn về cấp phép xây dựng. - Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang
2	Gia hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp Huyện	15.000 đồng/lần (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.			01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn về cấp phép xây dựng. - Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang
3	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	30 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp Huyện	50.000 đồng /giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn về cấp phép xây dựng. - Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					01/8/2017 của UBND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang
4	Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	30 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp Huyện	150.000 đồng/giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn về cấp phép xây dựng. - Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang
5	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu	30 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp Huyện	100.000 đồng/giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.			UBND ngày 01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn về cấp phép xây dựng. - Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang
6	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	30 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp Huyện	75.000 đồng/ giấy phép (Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn về cấp phép xây dựng.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang
7	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết cấp huyện	Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính : Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của CP về quản lý DA ĐTXD; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ XD quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán XDCT. - Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính : Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.
8	Thẩm định dự án/dự án điều	Đối với thẩm định	Ủy ban	Thông tư số	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	<p>dự án/dự án điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. <p>Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C. 	nhân dân cấp huyện	210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính : Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của CP về quản lý DA ĐTXD; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ XD quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán XDCT.
9	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều	20 ngày làm việc	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất; Ủy ban	Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính : Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của CP về quản lý DA ĐTXD; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chính (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP		nhân dân cấp Huyện	và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng	sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ XD quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán XDCT.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
I. CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.003792.00 0.00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
2	1.003832.00 0.00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		dung chứng chỉ hành nghề)			
3	1.003913.00 0.00.00.H01	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
4	1.003938.00 0.00.00.H01	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	1.004347.00 0.00.00.H01	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
6	1.004020.00 0.00.00.H01	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
7	1.004034.00 0.00.00.H01	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
8	1.002611.00 0.00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
9	1.002766.00 0.00.00.H01	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
10	1.004382.00 0.00.00.H01	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C)	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng		
11	1.002918.00 0.00.00.H01	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
12	1.003442.00 0.00.00.H01	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP) (cấp tỉnh)	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
13	1.002366.00 0.00.00.H01	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (cấp tỉnh) quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP)	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
14	1.002921.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
15	1.002920.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
16	1.003362.00 0.00.00.H01	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
17	1.004381.00 0.00.00.H01	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành	Quản lý hoạt động	Cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP	chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	xây dựng	

II. CẤP HUYỆN

STT	Số hồ sơ TTHC⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.003106.000. 00.00.H01	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) (cấp huyện)	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp huyện
2	1.004687.000. 00.00.H01	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp huyện
3	1.002569.000. 00.00.H01	Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp huyện

		thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh			
4	1.002503.000.00.00.H01	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp huyện
5	1.002494.000.00.00.H01	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp huyện
6	1.002463.000.00.00.H01	Quản lý hoạt động xây dựng Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền	Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp huyện

		cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh			
7	1.004653.000.00.00.H01	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC được chuẩn hóa; TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp huyện